

T. Khon

Mã nhận dạng : 000624

Trang : 1/2

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 3 - Năm học 2021 - 2022

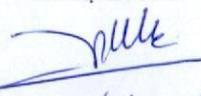
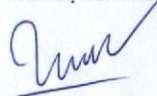
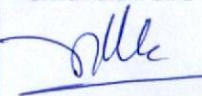
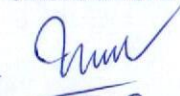
Môn học: **Thực tập lắp đặt tủ điều khiển (228185) - Nhóm 01**

CBGD: **Nguyễn Việt Khoa (280021)**

Số SV có mặt: 23

Số bài thi: 23

Số tờ giấy thi:

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1	G.Viên chấm thi 2
 Nguyễn Việt Khoa	 N.N.Tungin	 Nguyễn Việt Khoa	 N.N.Tungin

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	2119150065	NGUYỄN VĂN AN	24/09/2001	CCQ1915C			An	7,6	8,3	8,0	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☒ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
2	2120150002	LÊ TUẤN	11/08/2002	CCQ2015A			Tuan	7,7	7,8	7,7	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
3	2120150001	VÕ ĐỨC	17/08/2002	CCQ2015A			Duc	7,9	8,5	8,3	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☒ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
4	2119150067	TẠ QUỐC BẢO	21/03/2001	CCQ1915C			Bao	8,1	8,5	8,3	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☒ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
5	2119150068	VÕ AN	01/03/2001	CCQ1915C			Anh	7,9	8,3	8,1	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☒ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
6	2119150069	LÊ THANH DÂN	15/08/2001	CCQ1915C			Dan	8,2	8,3	8,2	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☒ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
7	2119150035	LÊ TẤN ĐỒNG	23/06/2001	CCQ1915B			Dong	7,1	7,5	7,3	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☒ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
8	2119150037	NGUYỄN THANH HẢI	12/09/2001	CCQ1915B			Hai	7,2	7,8	7,5	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
9	2120150011	TẠ HUY HÙNG	15/07/1998	CCQ2015A			Huy	7,7	8,3	8,0	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
10	2118150028	TRẦN QUỐC HUY	26/08/2000	CCQ1815A			Huy	7,9	8,5	8,3	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☒ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
11	2120150012	LÊ TRƯƠNG NHẬT KHA	01/10/2001	CCQ2015A			Kha	8,7	9,3	9,0	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☒ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
12	2120150014	NGUYỄN MINH KHÁNH	03/08/2002	CCQ2015A			Khon	6,9	7,3	7,1	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☒ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
13	2120150017	TRẦN CÔNG MẠNH	06/05/2002	CCQ2015A			Minh	7,4	7,3	7,3	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☒ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
14	2119150076	NGUYỄN HỮU PHƯỚC NHẤT	26/04/2001	CCQ1915C			Nhat	8,2	8,5	8,4	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
15	2119150078	LÊ TẤN THANH PHONG	26/03/2001	CCQ1915C			Phong	8,1	8,5	8,3	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☒ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
16	2120150024	NGUYỄN NGỌC QUYỀN	11/02/2002	CCQ2015A			Quy	7,8	8,0	7,9	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☒ 8 ☐ 9
17	2120150027	NGUYỄN MINH THANH	15/08/2002	CCQ2015A			Thanh	8,2	8,5	8,4	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
18	2119140064	NGUYỄN THANH TOÀN	12/02/2001	CCQ1915C			Toan	7,3	7,8	7,6	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
19	2118150079	BÙI NGUYỄN ĐỨC TRỌNG	24/03/2000	CCQ1815A			Truong	6,9	7,5	7,3	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☒ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
20	2118150087	NGUYỄN ANH TÚ	07/10/2000	CCQ1815A			Tu	7,9	8,5	8,3	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☒ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 3 - Năm học 2021 - 2022

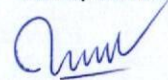
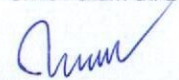
Môn học: **Thực tập lắp đặt tủ điều khiển (228185) - Nhóm 01**

CBGD: **Nguyễn Việt Khoa (280021)**

Số SV có mặt: 23

Số bài thi: 23

Số tờ giấy thi:

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1	G.Viên chấm thi 2
 Nguyễn Việt Khoa	 Nguyễn Văn Tuấn	 Nguyễn Việt Khoa	 Nguyễn Văn Tuấn

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
21	2119150082	NGUYỄN THANH TÚ	29/06/2001	CCQ1915C				8,2	8,5	8,4	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
22	2120150032	PHẠM HUỖNH ANH TÚ	05/05/2002	CCQ2015A				7,8	8,3	8,1	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
23	2120110033	NGUYỄN HOÀNG TUẤN	04/10/2002	CCQ2015B				8,1	8,8	8,5	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 3 - Năm học 2021 - 2022

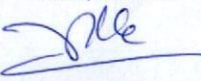
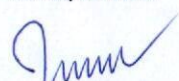
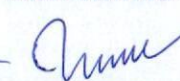
Môn học: **Thực tập lắp đặt tủ điều khiển (228185) - Nhóm 02**

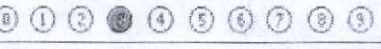
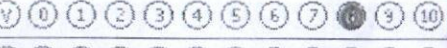
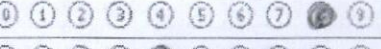
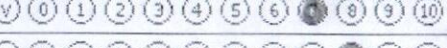
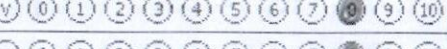
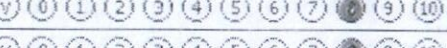
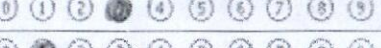
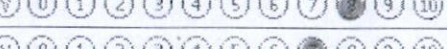
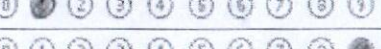
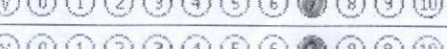
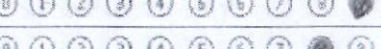
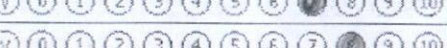
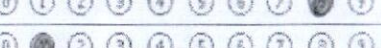
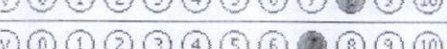
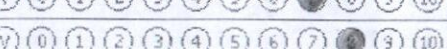
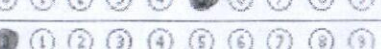
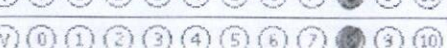
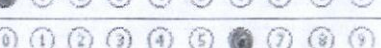
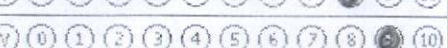
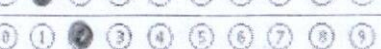
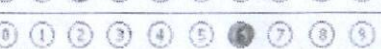
CBGD: **Nguyễn Việt Khoa (280021)**

Số SV có mặt: 19

Số bài thi: 19

Số tờ giấy thi:

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1	G.Viên chấm thi 2
 Nguyễn Việt Khoa	 Nguyễn Tuấn	 Nguyễn Việt Khoa	 Nguyễn Tuấn

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	2120150050	NGUYỄN MINH CUNG	14/08/2002	CCQ2015B				8,1	8,8	8,5		
2	2120150037	VÕ PHƯƠNG ĐÌNH	08/04/2002	CCQ2015B				7,0	7,8	7,5		
3	2120150051	VÕ THÀNH HUY	05/11/2002	CCQ2015B				7,9	8,5	8,3		
4	2120150038	LÊ TRỌNG HỮU	30/11/2002	CCQ2015B				8,6	8,8	8,7		
5	2119150020	NGUYỄN BÁ NGUYỄN	31/10/2000	CCQ1915A				7,9	7,8	7,8		
6	2120150039	BÙI LƯƠNG VĂN PHÚC	24/09/2002	CCQ2015B				7,3	7,5	7,4		
7	2120150052	NGUYỄN ĐẠI PHÚC	26/06/2001	CCQ2015B				8,2	8,5	8,4		
8	2120150044	NGUYỄN DUY QUANG	19/09/1999	CCQ2015B				8,0	8,5	8,3		
9	2120150045	VÕ MINH QUÂN	03/01/2002	CCQ2015B				7,8	8,3	8,1		
10	2120150025	NGUYỄN NGỌC SƠN	05/02/2002	CCQ2015A				7,7	8,0	7,9		
11	2120150026	NGUYỄN VĂN TÂN	02/05/2002	CCQ2015A				7,2	8,3	7,8		
12	2120150053	TRẦN ĐÌNH THÀNH	13/04/2002	CCQ2015B				7,9	8,3	8,1		
13	2120150028	LÊ XUÂN THƯƠNG	29/08/2001	CCQ2015A				7,2	7,8	7,5		
14	2119150081	ĐỖ HỮU TRUNG	24/07/2000	CCQ1915C				7,6	8,3	8,0		
15	2120150047	NGUYỄN VĂN TRUNG	16/08/2002	CCQ2015B				8,3	8,8	8,6		
16	2120150054	BÙI MINH TUẤN	01/09/2002	CCQ2015B				8,9	9,3	9,1		
17	2120150033	HỒ ĐỨC VINH	10/03/2002	CCQ2015A				8,2	8,3	8,2		
18	2120150034	HUỲNH HOÀNG VINH	10/04/2002	CCQ2015A				8,4	8,8	8,6		
19	2120150035	TRẦN QUỐC VŨ	20/06/2002	CCQ2015A				7,6	8,3	8,0	